



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) 
1-0023239

(51)⁷ A61K 36/00, 9/08, 9/0053, 35/78, A61P
1/02 (13) B

(21) 1-2018-03470 (22) 08.08.2018
(45) 25.02.2020 383 (43) 25.10.2018 367
(73) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH HOÀNG (VN)
Số 448 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Văn Toán (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Việt Nam IP (VIETNAM IP)

(54) HỖN HỢP THẢO DƯỢC, THUỐC ĐÔNG Y CHỨA HỖN HỢP THẢO DƯỢC
NÀY VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ THUỐC ĐÔNG Y NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y chữa bệnh về răng miệng và viêm xoang, đặc trưng ở chỗ. hỗn hợp này bao gồm: i) tỳ giải (*Dioscorea tokoro makino*); ii) phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*); iii) ngư tất (*Achyranthes bidentata* Blume); iv) thăng ma (*Rhizoma cimicifugae*); v) ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*); vi) tân di (*flos Magnoliae liliiflorae*); vii) thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb); viii) cam thảo (*Glycyrrhiza uralensis*); ix) hoàng bá (*Phellodendron amurense*); x) kim ngân hoa (*Flos lonicerae*); xi) xạ can (*Rhizoma belamcandae*); xii) bối mẫu (*Fritillaria roylei hook*); xiii) cốt toái bổ (*Drynaria fortunei*); xiv) chỉ thực (*Fructus aurantii immaturus*); xv) khoản đông hoa (*Tussilago farfara* L); và xạ đen (*Celastrus hindsii*).

Sáng chế còn đề cập đến quy trình bào chế thuốc đông y và thuốc đông y thu được bằng quy trình này chứa hỗn hợp thảo dược trên đây.

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y, thuốc đông y chứa hỗn hợp này và quy trình bào chế thuốc đông y này dùng để điều trị bệnh, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, bệnh liên quan đến răng miệng và bệnh viêm xoang.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Thảo dược, đôi khi còn được gọi là cây thuốc hoặc thảo mộc, là thực vật được con người dùng làm thuốc. Các cây này có khả năng tổng hợp các hợp chất hóa học hết sức đa dạng được dùng cho các chức năng sinh học quan trọng của cây hoặc được dùng để chống lại côn trùng, nấm và động vật ăn thực vật. Nhiều loại thảo mộc sẵn có trong tự nhiên còn có khả năng chống vi khuẩn, virus, tăng cường miễn dịch cho cơ thể. Các hợp chất hóa học trong cây tác động lên cơ thể người thông qua cơ chế tương tự cơ chế của các thuốc bình thường, vì thế xét về cơ chế hoạt động thì thuốc có nguồn từ thảo dược không khác so với thuốc thông thường.

Bao thế kỷ qua con người đã dùng cây để làm thuốc và ghi chép hiểu biết vào sách vở. Ngành thực vật dân tộc học nghiên cứu về các cách thức truyền thống trong sử dụng cây đã được công nhận là con đường hiệu quả để khám phá thêm các phương thuốc mới trong tương lai. Năm 2001, các nhà nghiên cứu xác định được 122 hợp chất trong thuốc tây mà bắt nguồn từ các loại cây được nói đến trong sách vở thực vật dân tộc học. 80% số hợp chất này được ghi chép là dùng theo một cách thức giống hệt hoặc có mối quan hệ với cách dùng của y học hiện đại. Nhiều dược phẩm hiện nay đã từ lâu được dùng dưới dạng thuốc làm từ cây, bao gồm aspirin, quinin, mao địa hoàng và thuốc phiện.

Hầu hết các xã hội chưa công nghiệp hóa đều có sử dụng cây để làm thuốc. Giá thuốc này cũng rẻ hơn thuốc tây hiện đại. Tổ chức Y tế Thế giới ước tính 80% dân số của một số nước Á châu và Phi châu hiện vẫn dùng chủ yếu là cây thuốc để chữa bệnh. Nghiên cứu của Mỹ và Âu châu cho thấy các nước này ít dùng cây thuốc hơn, nhưng những năm gần đây họ cũng ngày càng sử dụng nhiều bởi lẽ càng lúc càng có nhiều các bằng chứng khoa học đã cho thấy hiệu quả của cây thuốc. Giá trị xuất khẩu cây thuốc trên phạm vi thế giới năm 2011 ước tính là hơn 2,2 tỷ đô la Mỹ.

Theo nghiên cứu mới nhất, 90% người Việt đang mắc các bệnh về răng miệng, chủ yếu là sâu răng, viêm nướu, hôi miệng, v.v. Các bệnh về răng miệng này không chỉ gây đau đớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe mà còn khiến nhiều người gặp trở ngại trong việc giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, đa số họ chỉ đi thăm khám khi bệnh có diễn biến nặng gây rất nhiều khó khăn trong điều trị và rất khó chữa dứt điểm.

Viêm xoang là bệnh xảy ra do viêm các xoang cạnh mũi đến đa số bởi nhiễm trùng. Viêm xoang được phân loại theo cấp tính và mạn tính. Viêm xoang là căn bệnh rất khó chịu, gây mệt mỏi, làm giảm khả năng học tập và làm việc của người bệnh, thậm chí nếu để bệnh nặng có thể dẫn đến các biến chứng nguy hiểm ở đường hô hấp như viêm tai giữa, viêm họng mạn tính, nhiệt miệng, viêm

thanh quản, khí phế quản; biến chứng ở mắt như nhiễm trùng ổ mắt, viêm thần kinh thị giác; biến chứng sọ não như viêm tắc tĩnh mạch xoang hang, viêm não, viêm màng não. Khi người bệnh viêm xoang bị sốt cao, đau đầu nghiêm trọng, đau mắt hay giảm thị lực, cần kịp thời thăm khám bác sỹ.

Đã có nhiều nghiên cứu để tìm ra các thuốc phòng ngừa và/hoặc điều trị các bệnh này, bao gồm các thuốc tổng hợp và các thuốc có nguồn gốc tự nhiên.

Patent Mỹ số US 6,045,800 A đề cập đến hỗn hợp thảo dược bao gồm phần chiết từ rễ ngưu tất và vỏ du bạch bì dùng để bào chế được phẩm chữa bệnh nha chu. Dược phẩm này được bào chế bằng cách phối trộn hỗn hợp thảo dược với một số chất phụ gia để tạo thành được phẩm dạng kem đánh răng hoặc dạng thuốc mỡ. Tuy nhiên, dược phẩm thu được không có tác dụng chữa bệnh viêm xoang.

Công bố đơn Mỹ số US 2002/0031559 A1 đề cập đến hỗn hợp bao gồm các phần chiết từ thảo dược như tỳ giải, ké đầu ngựa và tân di dùng để bào chế được phẩm ở dạng viên đạn có tác dụng điều trị các triệu chứng của bệnh viêm xoang, viêm mũi dị ứng. Dược phẩm này được bào chế bằng cách: gia nhiệt PEG đến nhiệt độ 45°C cho đến khi PEG tan hoàn toàn, bổ sung 5% dextroza và trộn đều, điều chỉnh pH đến 7 bằng natri bicarbonat và natri phosphat, bổ sung hỗn hợp bao gồm các phần chiết từ thảo dược nêu trên và trộn đều, làm mát hỗn hợp thu được đến nhiệt độ nằm trong khoảng từ 36 đến 39°C, và bảo quản lạnh đến khi sử dụng. Quy trình bào chế được phẩm này bao gồm nhiều công đoạn phức tạp và dược phẩm được tạo ra không có tác dụng chữa bệnh răng miệng.

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số VN 2-0001138 (Y) đề cập đến hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y chữa bệnh răng miệng và viêm xoang bao gồm các thành phần: tỳ giải (*Dioscorea tokoro makino*), phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*), ngưu tất (*Achyranthes bidentata* Blume), thăng ma (*Rhizoma cimicifugae*), ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*), tân di (*Flos Magnoliae liliiflorae* Desr.), thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb), hoàng bá (*Phellodendron amurense*), kim ngân hoa (*Flos lonicerae*), cam thảo (*Glycyrrhiza uralensis*) và xạ can (*Rhizoma belamcandae*). Giải pháp hữu ích này còn đề cập đến quy trình bào chế thuốc đông y chữa bệnh răng miệng và bệnh viêm xoang từ hỗn hợp thảo dược này và thuốc đông y thu được từ quy trình này.

Trên trang web baoquangbinh.vn (<https://www.baoquangbinh.vn/suc-khoe/201304/bai-thuoc-nam-chua-viem-xoang-2105871/>), phần “Bài thuốc” mô tả bài thuốc nam chữa viêm xoang bao gồm 17 thành phần: bồ công anh, kim ngân hoa, ké đầu ngựa, hạ khô thảo, thạch斛, tân di, cát cánh, phòng phong, bạch cương tàm, tan bạch bì, đại táo, huyền sâm (mỗi thành phần 12g); sinh địa 10g; kinh giới, bạch chỉ (mỗi thành phần 8g); cam thảo 6g và thuyên thác 5g.

Trên trang web chuaviemxoangmui.net (<http://www.chuaviemxoangmui.net/cach-chua-viem-mui-di-ung-bang-cay-co-ngot.html>), phần “Cách chữa viêm mũi dị ứng bằng cây cỏ ngọt” mô tả bài thuốc chứa cỏ ngọt để điều trị viêm mũi dị ứng bao gồm: cỏ ngọt 4g; xuyên khung, tân di, hạnh nhân, hoàng kỳ, hoàng cầm, bạch giới, long nhãn, bạch chỉ, xuyên khung (mỗi thành phần 10g); táo, phóng phong (mỗi thành phần 15g); kim ngân hoa, ké đầu ngựa, ké đầu ngựa (mỗi thành phần 12g) và cát cánh 8g.

Tuy nhiên, vẫn có nhu cầu về hỗn hợp thảo dược mới với tác dụng đặc trị, thời gian điều trị, tần suất và liều lượng tốt hơn nữa, thích hợp để bào chế thuốc, ví dụ, để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, tốt hơn là bệnh về răng miệng và viêm xoang.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y chữa bệnh về răng miệng và viêm xoang bao gồm:

- i) tỳ giải (*Dioscorea tokoro makino*) với lượng từ 10 đến 20g;
- ii) phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- iii) ngư tất (*Achyranthes bidentata* Blume) với lượng từ 6 đến 12g;
- iv) thăng ma (*Rhizoma cimicifugae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- v) ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*) với lượng từ 10 đến 20g;
- vi) tân di (*Flos Magnoliae liliiflorae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- vii) thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb) với lượng từ 8 đến 16g;
- viii) cam thảo (*Glycyrrhiza uralensis*) với lượng từ 6 đến 10g;
- ix) hoàng bá (*Phellodendron amurense*) với lượng từ 6 đến 15g;
- x) kim ngân hoa (*Flos lonicerae*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xi) xạ can (*Rhizoma belamcandae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xii) bối mẫu (*Fritillaria roylei* hook) với lượng từ 10 đến 20g;
- xiii) cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xiv) chỉ thực (*Fructus aurantii immaturus*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xv) khoản đông hoa (*Tussilago farfara* L) với lượng từ 8 đến 16g; và
- xvi) xạ đen (*Celastrus hindsii*) với lượng từ 10 đến 20g.

Theo một khía cạnh khác, sáng chế còn đề xuất quy trình bào chế thuốc đông y để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, tốt hơn là bệnh về răng miệng và viêm xoang, bao gồm các bước:

a) ngâm hỗn hợp thảo dược theo khía cạnh trên đây trong etanol, có nồng độ nằm trong khoảng từ 30 đến 40%, theo tỷ lệ (g/L) của hỗn hợp thảo dược so với etanol nằm trong khoảng từ (88-169g):(1-1,5L), trong thời gian khoảng 15 ngày; và

b) gạn bỏ bã để thu được thuốc đông y ở dạng dung dịch.

Theo một khía cạnh khác, sáng chế còn đề xuất thuốc đông y thu được bằng quy trình như được mô tả theo khía cạnh trên đây.

Thuốc đông y theo sáng chế có thể dùng để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, trong đó bệnh này tốt hơn là được chọn từ nhóm, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, bệnh về răng miệng và viêm xoang. Ngoài ra, thuốc này còn thể hiện tác dụng đặc trị, thời gian điều trị, tần suất và liều lượng rất tốt.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sau đây, sáng chế sẽ được mô tả chi tiết hơn thông qua các phương án cụ thể được ưu tiên chỉ với mục đích minh họa cho sáng chế. Rõ ràng là, người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực này, trên cơ sở thông tin và/hoặc hướng dẫn được mô tả trong bản mô tả này, có thể thực hiện được các biến đổi đối với các phương án này mà không nằm ngoài phạm vi của sáng chế.

Hỗn hợp thảo dược

Qua nghiên cứu sâu rộng nhằm phát triển thuốc đông y mới để áp dụng vào thực tiễn chữa bệnh, tác giả sáng chế đã phát hiện ra rằng việc bổ sung một số thảo dược cụ thể, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, bồi mẫu, cốt toái bồ, chỉ thực, khoản đông hoa và xạ đen, vào hỗn hợp đã biết (được bộc lộ trong bằng độc quyền số VN 2-0001138 (Y), của chính người nộp đơn) của các thảo dược bao gồm tỳ giải, phòng kỷ, ngư tử, thăng ma, ké đầu ngựa, tân di, thổ phục linh, cam thảo, hoàng bá, kim ngân hoa và xạ can sẽ tạo ra hỗn hợp thảo dược có tác dụng chữa bệnh về răng miệng và viêm xoang rất hiệu quả, thời gian điều trị, tần suất sử dụng, liều lượng thuốc cần sử dụng đều giảm một cách bất ngờ đồng thời số lượng bệnh nhân cải thiện triệu chứng cũng tăng lên đáng kể.

Cụ thể hơn, theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất hỗn hợp thảo dược bao gồm tỳ giải, phòng kỷ, ngư tử, thăng ma, ké đầu ngựa, tân di, thổ phục linh, cam thảo, hoàng bá, kim ngân hoa, xạ can, bồi mẫu, cốt toái bồ, chỉ thực, khoản đông hoa và xạ đen.

Cụ thể hơn nữa, theo một phương án được ưu tiên, sáng chế đề xuất hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y, để điều trị và/phòng bệnh, tốt hơn là bệnh về răng miệng và viêm xoang, đặc trưng ở chỗ, hỗn hợp này bao gồm:

- i) tỳ giải (*Dioscorea tokoro makino*) với lượng từ 10 đến 20g;
- ii) phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- iii) ngư tử (*Achyranthes bidentata* Blume) với lượng từ 6 đến 12g;
- iv) thăng ma (*Rhizoma cimicifugae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- v) ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*) với lượng từ 10 đến 20g;
- vi) tân di (*Flos Magnoliae liliiflorae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- vii) thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb) với lượng từ 8 đến 16g;
- viii) cam thảo (*Glycyrrhiza uralensis*) với lượng từ 6 đến 10g;
- ix) hoàng bá (*Phellodendron amurense*) với lượng từ 6 đến 15g;
- x) kim ngân hoa (*Flos lonicerae*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xi) xạ can (*Rhizoma belamcandae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xii) bồi mẫu (*Fritillaria roylei hook*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xiii) cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xiv) chỉ thực (*Fructus aurantii immaturus*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xv) khoản đông hoa (*Tussilago farfara* L) với lượng từ 8 đến 16g; và
- xvi) xạ đen (*Celastrus hindsii*) với lượng từ 10 đến 20g.

Trong bản mô tả này, để tránh nghi ngờ và thuận tiện hơn cho việc hiểu sáng chế hơn, như được thể hiện trên đây và dưới đây trong yêu cầu bảo hộ, tên của thảo dược còn được thể hiện theo dạng: tên tiếng Việt (tên khoa học). Ví dụ, thuật ngữ phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*) được hiểu là trong đó “phòng kỷ” là tên tiếng Việt của thảo dược và “*Radix stephaniae tetrandrae*” trong ngoặc đơn là tên khoa học của thảo dược này.

Ngoài ra, trong bản mô tả này:

Tỳ giải, còn có tên gọi khác như xuyên tỳ giải, tất giã, phần tỳ giải. Tên khoa học là *Dioscorea lokoro Makino*. Tỳ giải là một loại cây leo, sống lâu, có rễ phình thành củ to, mặt ngoài màu vàng nâu, trong có màu trắng vàng. Thân nhỏ, gầy. Lá mọc so le, hình trái tim, cuống lá dài, đầu nhọn, có 7 đến 9 hoặc 11 gân lớn. Lá kèm biến thành tua cuốn. Hoa màu xanh nhạt, mọc thành bông. Quả nhỏ, có đĩa như cánh. Loài này thường ra hoa vào mùa hạ và thu.

Phòng kỷ, còn có tên gọi khác như hán phòng kỷ, quảng phòng kỷ, mộc phòng kỷ, phần phòng kỷ, hán trang phòng kỷ. Tên khoa học là *Radix stephaniae tetrandrae*. Phòng kỷ là cây sống lâu năm, mọc leo, rễ phình thành củ, đường kính của rễ có thể đạt tới 6cm, mặt ngoài rễ có màu tro nhạt, hay màu nâu. Thân mềm, có thể dài tới 2,5-4m, vỏ thân màu xanh nhạt, phía gốc hơi đỏ. Lá mọc so le, hình khiên, dài 4-6cm, rộng 4,5-6cm, gốc lá hình tim, đầu lá nhọn, mép nguyên, hai mặt đều có lông ngắn, mềm, mặt trên màu xanh, mặt dưới màu tro. Cuống lá dài gần bằng chiều dài của lá, không dính vào đáy lá mà vào phía trong phiến lá. Hoa nhỏ màu xanh nhạt. Quả hạch, hình cầu hơi dẹt. Loài này thường ra hoa vào tháng 4 hoặc 5 và mùa quả vào tháng 5 hoặc tháng 6.

Ngưu tất, còn có tên gọi khác như cỏ xước, hoài ngưu tất. Tên khoa học là *Achysanthes bidentata* Blume. Ngưu tất là cây thảo cao khoảng 60cm -1m. Cây sống nhiều năm. Thân mảnh, có cạnh, hơi vuông, thường cao 1-2m, màu lục hoặc nâu tía. Cành thường mọc thẳng đứng. Lá mọc đối có cuống, hình trứng, đầu nhọn, gốc thuôn hẹp, dài 5-12 cm, rộng 2-4 cm, gân lá mặt trên thường có màu nâu tía, cuống lá dài 1-1,5cm. Rễ củ hình trụ dài, có nhiều rễ phụ to. Cụm hoa là bông ở đầu cành hay ké lá, dài 2-5 cm. Quả nang hình bầu dục có một hạt. Mùa hoa quả của loài này thường vào tháng 5 – tháng 7.

Thăng ma, còn có tên gọi khác như thiên thăng ma, bắc thăng ma, tây thăng ma. Tên khoa học là *Rhizoma cimicifugae*. Thăng ma là cây thảo, sống lâu năm, cao từ 1-1,3m, lá kép hình lông chim, lá chét thuôn, có chỗ khía và có răng cưa, đầu nhọn. Hoa tự hình chùm. Trục hoa tự mang nhiều hoa màu trắng, có cuống. Bộ phận được sử dụng của loài này thường là thân rễ mà là những khối dài không đều, thường phân nhánh, có nhiều mấu nhỏ. Mặt ngoài màu nâu đen hoặc nâu, thô nháp.

Ké đầu ngựa, còn có tên gọi khác như phất ma, thương nhĩ, mác nháng. Tên khoa học là *Xanthium strumarium*. Cây ké đầu ngựa là một cây nhỏ, cao khoảng 2m thân có khía răng. Lá mọc sole, mép có răng cưa, có lông ngắn cứng. Hoa thường mọc thành cụm hoa. Quả giả hình thoi, có móc. Loài này mọc hoang nhiều nơi, đặc biệt là ở các bãi đất hoang, bờ ruộng, bờ đường.

Tân di, còn có tên gọi khác như tân thân, hâu đào, phòng mộc, tân trĩ, nghinh xuân, mộc bút hoa, mao tân di, tân di đào, khương phác hoa. Tên khoa học là *Flos Magnoliae liliiflorae*. Tân di là cây bụi, lá thường màu xanh, hoa đực và hoa cái cùng một cây. Bộ nhị và bộ nhụy sắp xếp thành hình xoắn ốc, hoa lướn không phân biệt tràng hoa và đài hoa. Lá noãn nứt lưng, có 1-2 lá noãn. Bộ phận được sử dụng của loài này thường là búp hoa khô, bên ngoài nâu sẫm có nhiều lông nhung vàng như sợi tơ, bên trong không có lông, có mùi thơm đặc biệt.

Thỏ phục linh, còn có tên gọi khác như khúc khắc, kim cang. Tên khoa học là *Smilax glabra* Roxb. Cây thỏ phục linh là hay cây khúc khắc là một loại cây thuốc quý, cây sống lâu năm, dài 4-5m, có nhiều cành nhỏ, gầy, không gai, thường có tua cuốn dài. Lá hình trái xoan thuôn, phía dưới tròn, dài 5-13cm, rộng 3-7cm, chắc cứng, hơi mỏng, có 3 gân nhỏ từ gốc và nhiều gân con. Hoa mọc thành tán chùy 2mm, cuống riêng dài hơn chùy 10mm hay hơn. Quả mọng, hình cầu, đường kính 6-7mm, hơi 3 cạnh, có 3 hạt. Thân rễ hình trụ hơi dẹt hoặc khối dài ngắn không đều, có các chồi mọc như mấu và các cành ngắn, dài 5 - 22

cm, đường kính 2 - 7 cm. Loài này mọc hoang ở khắp nơi, có thể thu hoạch quanh năm, nhưng tốt nhất là vào mùa đông.

Cam thảo, còn có tên gọi khác như cam thảo bắc, sinh cam thảo, quốc lão. Tên khoa học là *Glycyrrhiza uralensis*. Cam thảo là loài cây thảo sống lâu năm, cao 30-100cm. Rễ dài có màu vàng nhạt. Thân có lông mềm, ngắn. Lá mọc so le, kép lông chim lẻ, gồm 9-17 lá chét hình trứng có mép nguyên. Cụm hoa chùm ở nách lá; hoa tương đối nhỏ, màu tím nhạt. Quả đậu cong hình lưỡi liềm, dài 3-4cm, rộng 6-8mm, màu nâu đen, có lông dày, chứa 2-8 hạt nhỏ dẹt, màu nâu bóng. Bộ phận dùng của loài này thường là rễ.

Hoàng bá, còn có tên gọi khác như hoàng nghịet. Tên khoa học là *Phellodendron amurense*. Cây gỗ cao 10-25m hay hơn, phân cành nhiều. Vỏ thân dày, sần sùi, màu nâu xám xám ở mặt ngoài, màu vàng tươi ở mặt trong. Lá kép lông chim lẻ, gồm 5-13 lá chét hình trứng thuôn hay hình bầu dục, dài 5-12cm, rộng 3-4,5cm, màu lục sẫm ở mặt trên, màu lục nhạt và có lông mềm ở mặt dưới. Hoa màu vàng lục, mọc thành chùm ở đầu cành và ở ngọn thân. Quả hình cầu khi chín màu tím đen, có 2-5 hạt. Loài này thường ra hoa tháng 5 hoặc tháng 6, có quả vào tháng 9 hoặc tháng 10.

Kim ngân hoa, còn có tên gọi khác như kim ngân, ngân hoa, nhĩn đông, song hoa. Tên khoa học là *Flos lonicerae*. Kim ngân hoa là dạng cây leo bằng thân cuốn. Cành non có lông mịn, thân già xoắn. Lá nguyên, mọc đối. Phiến lá hình trứng dài 4-7cm, rộng 2-4cm, cả hai mặt lá đều có lông mịn. Hoa mọc từng đôi một ở các nách lá gần ngọn. Khi mới nở, cánh hoa màu trắng, sau chuyển sang vàng nhạt, mùi thơm nhẹ 5 cánh hoa dính liền nhau thành ống ở phía dưới, miệng ống có 2 môi, 5 nhị thò ra ngoài cánh hoa. Bầu dưới. Quả hình trứng, dài chừng 5mm, màu đen. Loài này thường ra hoa vào các tháng 3-5, ra quả tháng 6-8.

Xạ can, còn có tên gọi khác như rẽ quạt, lưỡi đồng. Tên khoa học là *Rhizoma belamcandae*. Đây là cây thảo sống dai. Thân rễ mọc bò. Thân nhỏ mang lá mọc thẳng đứng, dài tới 1m. Lá hình ngọn giáo dài, nơi có bẹ, mọc xen kẽ thành 2 vòng; gân lá song song. Cụm hoa có cuống dài 20-40cm. Hoa có cuống, bao hoa có 6 mảnh màu vàng da cam có đốm tím. Quả nang hình trứng, chứa nhiều hạt nhỏ hình cầu, màu xanh đen, bóng. Ở nước ta, cây mọc hoang và được trồng ở nhiều nơi làm cây cảnh và làm thuốc. Thân rễ được thu hái vào mùa thu hoặc có thể quanh năm.

Bối mẫu, còn có rất nhiều tên gọi khác nhau như, ví dụ, xuyên bối mẫu, cần mẫu, khô thái, khô hoa. Tên khoa học là *Fritillaria roylei hook*. Bối mẫu là loại cây sống lâu năm, cao 40 - 60cm, gồm 3 - 6 lá mọc vòng, đầu lá cuộn lại, hoa hình chuông, chúc xuống đất, dài chừng 3,5 - 5cm, ngoài hoa có màu vàng lục nhạt.

Cốt toái bồ, còn có tên gọi khác như tắc kè đá, ráng bay, hộc quyết, hầu khương, hồ tôn khương, thân khương, tổ phượng, tổ rồng. Danh pháp khoa học là *Drynaria fortunei*. Đây là loài dương xỉ mọc bò, có thân rễ đẹp, mọc nước, phủ lông dạng vẩy màu nâu sét. Lá có răng nhọn, dài 3-5cm, không cuống, phủ kín thân rễ; lá thường sinh sản, có cuống ngắn 4-7cm, phiến dài 10-30cm, xẻ thùy sâu, thành 7-13 cặp thùy lông chim, dày, dai, không lông. Các túi bào tử xếp hai

hàng giữa gân phụ mặt dưới lá; bào tử vàng nhạt, hình trái xoan. Cây sống phụ sinh trên đá ở rừng núi đá vôi ẩm hoặc cây gỗ ở rừng.

Chỉ thực, còn có tên gọi khác như chanh chua, cháp. Tên khoa học là *Fructus aurantii immaturus*. Chỉ thực là quả trấp hái vào lúc còn non nhỏ của cây *Citrus Hystrie D.C* cây nhỡ rậm lá, có gai dài. Lá đơn mọc so le, hình bầu dục, dài 7-10cm. Hoa năm cánh trắng, thơm. Quả có vỏ sù sì, màu vàng nhạt, vỏ dày, vị đắng nhiều hạt. Bộ phận sử dụng của loài này thường là quả non rụng phơi khô.

Khoản đông hoa, còn có tên gọi khác như đồ hề, đông hoa, đông hoa nhị, hồ tu, khóa đông, khoản đông, khoản hoa, mật chích khoản đông, thác ngô, thị đông, toàn đông, xá phế hậu. Tên khoa học là *Tussilago farfara L.* Khoản đông hoa là một loại cây nhỏ, sống lâu do thân rễ. Vào mùa xuân, từ gốc lá mọc lên những cán mang hoa dài 10-20cm, lá mọc so le, màu tím nhạt, phủ lên cán hoa thành hình vẩy. Đầu cán có một cụm hoa hình đầu màu vàng tươi, quanh có lá bắc màu đỏ nhạt. Giữa cụm hoa là những hoa lưỡng tính, xung quanh là hoa cái cùng màu vàng, hình lưỡi nhỏ. Quả đóng màu nâu, có sợi của lá dài. Sau khi hoa nở, lá mới xuất hiện, mọc thành vòng, mang cuống dài, phiến lá hình tim, mép có răng cưa. Đường kính lá có thể đạt 15-20cm. Mặt dưới có lông, mặt trên bóng. Hình giống hình chân con lười, do đó tên cây tại một số nước châu âu còn gọi là cây “chân lười”. Bộ phận sử dụng của loài này thường là nụ hoa phơi hay sấy khô.

Xạ đen, còn có tên gọi khác như bách giải, đồng triều, bạch vạn hoa, cây dây gỏi, hay quả nâu, hoặc cây ung thư. Danh pháp khoa học là *Celastrus hindsii*. Xạ đen thuộc loại cây dây leo thân gỗ, mọc thành bụi, dễ trồng. Thân cây dạng dây dài 3-10m. Cành tròn, lúc non có màu xám nhạt, không có lông, sau chuyển sang màu nâu, có lông, về sau có màu xanh. Phiến lá hình bầu dục xoay ngược, thường có 7 cặp gân phụ, bìa có răng thấp, mặt lá không có lông, lá không rụng theo mùa, cuống lá dài 5 - 7mm. Chùm hoa ở ngọn hay ở nách lá, dài 5 – 10 cm. Cuống hoa 2 - 4mm. Cánh hoa trắng. Quả nang hình trứng, dài cỡ 1 cm, nổ thành 3 mảnh. Hạt có áo hạt màu hồng. Loài này thường ra hoa vào tháng ba đến tháng năm và ra quả vào tháng tám đến tháng mười hai.

Cần phải hiểu rằng, phần mô tả trên đây đối với các thảo dược được sử dụng theo sáng chế là phần mô tả tóm tắt thông tin để giúp người có hiểu biết trung bình trong có thể xác định được đặc điểm thực vật học của mỗi thảo dược và không được xem là phần mô tả thông tin một cách hoàn chỉnh đối với mỗi thảo dược.

Ngoài ra, không có bất kỳ giới hạn nào đối với các thảo dược được sử dụng theo sáng chế và do đó dạng thông dụng bất kỳ của các thảo dược đều có thể được sử dụng.

Quy trình bào chế thuốc đông y

Theo một khía cạnh khác, sáng chế còn đề xuất quy trình bào chế thuốc đông y dùng để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, tốt hơn là bệnh về răng miệng và viêm xoang, bao gồm các bước:

a) ngâm hỗn hợp thảo dược theo khía cạnh trên đây trong etanol, có nồng độ nằm trong khoảng từ 30 đến 40%, theo tỷ lệ (g/L) của hỗn hợp thảo dược so với etanol nằm trong khoảng từ (88-169g):(1-1,5L), trong thời gian khoảng 15 ngày; và

b) gạn bỏ bã để thu được thuốc đông y ở dạng dung dịch.

Cần lưu ý rằng, sau khi ngâm khoảng 15 ngày, gạn bỏ bã, thu được thuốc đông y ở dạng dung dịch để sử dụng trực tiếp mà không cần các bước xử lý thêm.

Đối với quy trình bào chế thuốc đông y, các thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y được chuẩn bị theo cách thông thường đã biết trong lĩnh vực đông y hoặc được mua sẵn trên thị trường. Cách thức chuẩn bị thảo dược thông thường là thu hoạch, rửa sạch, phơi khô, chặt nhỏ (nếu là cành, cây, rễ), thái nhỏ, mỏng (nếu là củ), đem sao tẩm theo từng loại, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, dùng etanol sao tẩm, ninh nấu sao tẩm, và được bảo quản trong các điều kiện bảo quản riêng như phòng bảo ôn.

Thuốc đông y, bệnh điều trị và cách sử dụng

Theo một khía cạnh khác nữa, sáng chế còn đề xuất thuốc đông y thu được từ quy trình theo khía cạnh trên đây dùng để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, tốt hơn là bệnh về răng miệng, như đau răng, viêm lợi, và bệnh viêm xoang. Theo một phương án, thuốc này còn có tác dụng chữa bệnh viêm mũi dị ứng.

Thuốc theo sáng chế có thể và tốt hơn là được sử dụng trực tiếp ở dạng nguyên trạng sau khi thu được từ quy trình bào chế trên đây.

Theo một phương án khác, thuốc thu được còn có thể được xử lý để bào chế thành các dạng sử dụng khác nhau, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, các dạng thuốc thể rắn như thuốc bột, thuốc viên; các dạng thuốc thể mềm như thuốc cao, thuốc mỡ, gel; các dạng thuốc thể lỏng như dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch, xiro.

Theo một phương án khác, thuốc này được sử dụng theo đường ngậm, uống, xịt mũi hoặc nhỏ mũi.

Rõ ràng là, việc sử dụng thuốc và cách pha chế phụ thuộc vào, ví dụ, đường dùng, bệnh cụ thể cần được điều trị, đối tượng được điều trị, độ tuổi và mức độ nghiêm trọng của bệnh.

Ví dụ, khi dùng để nhỏ mũi, thuốc đông y cần được pha với nước cất theo tỷ lệ thuốc đông y: nước cất là 1:1, nhỏ 2 đến 3 giọt vào mỗi bên mũi, ngày nhỏ 3 đến 4 lần.

Khi dùng để xịt mũi, thuốc đông y cần được pha với nước cất theo tỷ lệ thuốc đông y: nước cất là 2:1, xịt từ 2 đến 10 lần/ngày, mỗi lần cách nhau từ 1 đến 2 giờ.

Khi dùng theo đường uống, sử dụng 10 đến 20ml thuốc đông y cho mỗi lần uống, ngày uống 2 đến 4 lần.

Khi dùng theo đường ngậm, sử dụng 10ml thuốc đông y cho mỗi lần ngậm, ngậm trong thời gian từ 5 đến 20 phút, ngậm 2 đến 4 lần/ngày.

Đối với trẻ nhỏ dưới 4 tuổi, cần lưu ý là chỉ dùng thuốc đông y theo đường xịt mũi hoặc nhỏ mũi.

Đối với người bị bệnh cao huyết áp, phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú, cần lưu ý là chỉ dùng thuốc đông y theo đường ngậm, xịt mũi hoặc nhỏ mũi, chống chỉ định dùng theo đường uống.

Thuốc đông y theo sáng chế có thành phần là các loại thảo dược tự nhiên, và hiện chưa phát hiện thấy tác dụng phụ nào của thuốc đông y này. Tuy nhiên, bệnh nhân cũng nên hạn chế sử dụng thuốc đông y này cùng lúc với các dược

phẩm khác có cùng tác dụng và cùng đường dùng. Nếu cần, chỉ nên sử dụng các được phẩm khác với khoảng cách thời gian ít nhất là 2 giờ.

Ví dụ thực hiện sáng chế

Sau đây, sáng chế sẽ được mô tả một cách chi tiết hơn nữa thông qua các ví dụ dưới đây. Cần phải hiểu rằng, các ví dụ này chỉ với mục đích minh họa sáng chế và không làm giới hạn sáng chế theo bất kỳ cách nào.

Ví dụ 1: Quy trình bào chế khoảng 700ml thuốc đông y

Bước 1: Chuẩn bị hỗn hợp thảo dược bao gồm 20g tỳ giải, 12g phòng kỷ, 12g ngư tấu, 12g thăng ma, 20g ké đầu ngựa, 16g tân di, 16g thổ phục linh, 10g cam thảo, 15g hoàng bá, 20g kim ngân hoa, 16g xạ can và bổ sung các thành phần còn lại với lượng phù hợp, cụ thể là:

- bối mẫu với lượng từ 10 đến 20g;
- cốt toái bồ với lượng từ 8 đến 16g;
- chỉ thực với lượng từ 10 đến 20g;
- khoản đông hoa với lượng từ 8 đến 16g;
- xạ đen với lượng từ 10 đến 20g.

Các thảo dược này được chuẩn bị theo cách thông thường đã biết trong lĩnh vực đông y như được mô tả trên đây.

Bước 2: Cho hỗn hợp thảo dược này vào bình chứa, ngâm với một lượng etanol thích hợp, cụ thể là khoảng 1L, có nồng độ 40% trong thời gian 15 ngày. Sau đó gạn bỏ bã để thu được thuốc đông y ở dạng dung dịch với lượng khoảng 700ml.

Ví dụ 2: Thử nghiệm tác dụng của thuốc đông y đối với bệnh viêm mũi dị ứng và viêm xoang

Đối tượng thử nghiệm là 51 bệnh nhân mắc bệnh viêm xoang và/hoặc viêm mũi dị ứng. Cụ thể, phân bố dịch tễ của nhóm bệnh nhân được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Phân bố dịch tễ của nhóm gồm 51 bệnh nhân

Giới tính	Nam	32
	Nữ	19
Nghề nghiệp	Nhân viên văn phòng (thường xuyên làm việc dưới điều kiện dùng điều hòa nhiệt độ)	11
	Công nhân, nông dân (thường xuyên làm việc dưới điều kiện nhiều bụi và dị vật nhỏ trong không khí)	30
	Công việc khác	10
Độ tuổi	Trên 50 tuổi	29
	Từ 25-50 tuổi	17
	Từ 10-25 tuổi	3
	Dưới 10 tuổi	2

Bệnh	Chỉ bị viêm mũi dị ứng	10
	Chỉ bị viêm xoang	0
	Cả hai bệnh trên đây	41

Thuốc đông y bào chế trên đây, được dùng để điều trị cho các bệnh nhân này, cụ thể là bệnh nhân mắc bệnh viêm mũi dị ứng - viêm xoang, cần được pha loãng trước khi sử dụng với nước cất, theo tỷ lệ tốt hơn nếu thuốc đông y: nước cất là 1:1. Sau đó, tiến hành nhỏ 4 lần /ngày vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều và trước khi đi ngủ, với 3 giọt/lần nhỏ, vào mỗi bên mũi.

Theo phương án khác, nếu thuốc được dùng theo đường uống, sử dụng 20ml thuốc đông y/lần uống, với tần suất 2 lần/ngày, vào buổi sáng và tối.

Kết quả

Kết quả về tác dụng của thuốc đông y được đánh giá dựa trên sự cải thiện các triệu chứng của bệnh viêm xoang, viêm mũi dị ứng. Với các bệnh nhân viêm xoang, viêm mũi dị ứng, triệu chứng nghẹt thở được cải thiện ngay sau lần dùng đầu tiên. Các triệu chứng đau nhức, đáp ứng của các bệnh nhân với thuốc đông y được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Kết quả cải thiện triệu chứng của bệnh viêm xoang và viêm mũi dị ứng

Bệnh	Triệu chứng	Số lượng bệnh nhân cải thiện sau 3-4 ngày điều trị	Số lượng bệnh nhân cải thiện sau 1 tháng điều trị
Viêm mũi (n=51)	Hắt hơi khi thay đổi điều kiện môi trường	51	51
Viêm xoang (n=41)	Sung phù nề toàn bộ mặt	33	41
	Đau toàn bộ trán	37	40
	Đau phần xương bên trong hai thành mũi hoặc đau một bên	41	41
	Ngạt mũi, khó thở đến viêm họng mãn tính	41	41

Kết luận

Thuốc đông y theo sáng chế được dùng cho nhóm bao gồm 51 bệnh nhân, trong đó 10 người có triệu chứng viêm mũi dị ứng và 41 người có cả triệu chứng viêm mũi dị ứng và viêm xoang. Các triệu chứng hắt hơi khi thay đổi môi trường sinh hoạt như điều hòa, thay đổi nóng lạnh, tiếp xúc với hóa chất, bụi, đều được cải thiện ở cả hai nhóm bao gồm 51 bệnh nhân ngay trong khoảng thời gian sử dụng thuốc là từ 3 đến 4 ngày.

Với nhóm bệnh nhân bị bệnh viêm xoang, các triệu chứng mãn tính của bệnh là sung phù nề toàn bộ mặt và đau toàn bộ trán được cải thiện đáng kể sau 3 đến 4 ngày sử dụng (tương ứng là 33/51 và 36/51). Do đây là những triệu chứng

kéo dài, nên phải sau thời gian điều trị 1 tháng, hiệu quả cắt đứt toàn bộ triệu chứng thu được mới đạt kết quả tối đa (tương ứng là 41/41 và 40/41). Chỉ còn duy nhất một bệnh nhân trong nhóm viêm xoang chưa cắt được triệu chứng đau trán, do tuổi cao (trên 50 tuổi) và đã qua phẫu thuật nạo hút nên được yêu cầu sử dụng thuốc thêm một tháng để cải thiện hoàn toàn triệu chứng. Với các triệu chứng nhẹ như ngạt mũi khó thở và đau bên trong thành mũi hoặc đau một bên thành mũi, các triệu chứng cải thiện ngay sau tuần dùng thuốc đầu tiên và hết hẳn sau 1 tháng điều trị.

Ví dụ so sánh 2-1: Thử nghiệm so sánh mức độ hấp thu, trên cơ sở thời gian tác động, của thuốc theo sáng chế và thuốc theo bằng độc quyền VN 2-0001138 (Y)

Thuốc theo sáng chế và thuốc được mô tả trong bằng độc quyền VN 2-0001138 (Y) (sau đây, “thuốc được mô tả trong bằng độc quyền VN 2-0001138 (Y)” còn được gọi là “thuốc đối chứng”) được sử dụng cho nhóm đối tượng bao gồm 51 người bệnh trên đây, với lượng và đường dùng giống nhau, để khảo sát về thời gian tác dụng của thuốc mà thể hiện mức độ hấp thu của thuốc. Dữ liệu được thể hiện trong Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: So sánh mức độ hấp thu, trên cơ sở thời gian tác dụng (triệu chứng được cải thiện) của thuốc

	Số người bệnh cải thiện triệu chứng / Tổng số người bệnh mắc bệnh viêm mũi với triệu chứng hắt hơi khi thay đổi điều kiện môi trường	Số người bệnh cải thiện triệu chứng / Tổng số người bệnh mắc viêm xoang	Thời gian tác dụng (triệu chứng được cải thiện)
Thuốc theo sáng chế	51/51	41/41	3-4 ngày
Thuốc đối chứng	51/51	41/41	1 tuần

Kết luận

Có thể thấy được rằng, thuốc theo sáng chế và thuốc đối chứng đều có tác dụng hiệu quả đối với người bệnh mắc bệnh viêm mũi (với triệu chứng hắt hơi khi thay đổi điều kiện môi trường) và bệnh viêm xoang, xong mức độ hấp thu của thuốc theo sáng chế được xem là tốt hơn một cách bất ngờ so với thuốc đối chứng, dựa trên cơ sở dữ liệu thử nghiệm về thời gian tác động làm cải thiện triệu chứng. Điều này có thể được giải thích nhờ sự kết hợp thêm năm thành phần thảo dược bao gồm bồi mẫu, cốt toái bồ, chỉ thực, khoản đông hoa và xạ đen; và các thảo dược này đã tương tác với các thành phần thảo dược khác trong thuốc theo cách hiệp đồng, để nhờ đó tạo ra mức độ hấp thu thuốc tốt hơn một cách đáng kể.

Mức độ hấp thu thuốc tốt sẽ giúp thuốc sớm có tác dụng (tác dụng nhanh), và trong trường hợp của thuốc theo sáng chế, việc cải thiện triệu chứng là nhanh

hơn so với thuốc đối chứng, và nhờ đó giúp người bệnh sớm trở lại với sinh hoạt thường ngày.

Ví dụ 3: Thử nghiệm tác dụng của thuốc đông y để chữa bệnh đau răng, viêm lợi
Đối tượng: 50 bệnh nhân bị đau răng, viêm lợi.

Thuốc đông y theo sáng chế được sử dụng theo đường ngậm hoặc uống, 3-4 lần/ngày. Đối với mỗi lần ngậm, sử dụng 10ml thuốc đông y và ngậm trong khoảng thời gian từ 5 đến 20 phút. Nếu sử dụng theo đường uống, sử dụng 10 đến 20ml thuốc đông y cho mỗi lần uống.

Kết quả

Các triệu chứng điển hình của đau răng, viêm lợi là hôi miệng, sưng nhức hàm-lợi, đau thái dương do sưng hàm được cải thiện rõ rệt chỉ sau 2 lần dùng thuốc đông y theo cách uống hoặc ngậm. Sau khi dùng hết 250ml thuốc đông y theo giải pháp, chứng đau răng, viêm lợi được cải thiện hoàn toàn. Tuy nhiên, sau đó, các bệnh nhân được khuyến cáo tiếp tục dùng thuốc đông y theo cách uống hoặc ngậm để vệ sinh răng miệng, tránh tái phát.

Ví dụ 3-1: Thử nghiệm so sánh lượng tối thiểu của thuốc theo sáng chế và thuốc đối chứng trong việc điều trị 50 bệnh nhân bị đau răng, viêm lợi với các triệu chứng thông dụng

Thuốc theo sáng chế và thuốc đối chứng còn được cho tham gia thử nghiệm điều trị 50 bệnh nhân bị đau răng, viêm lợi với các triệu chứng thông dụng như hôi miệng, sưng nhức hàm-lợi, đau thái dương do sưng hàm để xác định lượng tối thiểu (ml) của thuốc nhằm cải thiện hoàn toàn chứng đau răng, viêm lợi. Kết quả được mô tả trong Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4: So sánh lượng tối thiểu của thuốc theo sáng chế và thuốc đối chứng

Tổng số người bệnh bị đau răng, viêm lợi tham gia thử nghiệm	Lượng tối thiểu của thuốc theo sáng chế để cải thiện hoàn toàn chứng đau răng, viêm lợi	Lượng tối thiểu của thuốc đối chứng để cải thiện hoàn toàn chứng đau răng, viêm lợi
50	250ml	300ml

Kết luận

Rõ ràng là, lượng tối thiểu cần thiết của thuốc theo sáng chế để cải thiện hoàn toàn chứng đau răng, viêm lợi là thấp hơn đáng kể so với thuốc đối chứng. Điều này có thể được giải thích nhờ sự kết hợp thêm năm thành phần thảo dược bao gồm bồi mẫu, cốt toái bồ, chỉ thực, khoản đông hoa và xạ đen; và các thảo dược này đã tương tác với các thành phần thảo dược khác trong thuốc theo cách hiệp đồng, để nhờ đó tạo ra tác dụng tốt hơn mà giúp làm giảm lượng thuốc cần sử dụng.

Hiệu quả đạt được của sáng chế

Sáng chế đề xuất quy trình bào chế và thuốc đông y có nguồn gốc hoàn toàn từ thảo dược dùng để điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh, trong đó bệnh này tốt hơn là được chọn từ nhóm, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, bệnh về răng miệng và viêm xoang. Thuốc theo sáng chế không chỉ rẻ hơn thuốc tây hiện

đại do có thể được bào chế từ các thành phần thảo dược sẵn có và thông dụng, mà còn thể hiện tác dụng đặc trị, thời gian điều trị, tần suất và liều lượng rất tốt.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Hỗn hợp thảo dược dùng để bào chế thuốc đông y chữa bệnh về răng miệng và viêm xoang, đặc trưng ở chỗ, hỗn hợp này bao gồm:

- i) tỳ giải (*Dioscorea tokoro makino*) với lượng từ 10 đến 20g;
- ii) phòng kỷ (*Radix stephaniae tetrandrae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- iii) ngư tât (*Achyranthes bidentata* Blume) với lượng từ 6 đến 12g;
- iv) thăng ma (*Rhizoma cimicifugae*) với lượng từ 8 đến 12g;
- v) ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*) với lượng từ 10 đến 20g;
- vi) tân di (*Flos Magnoliae liliiflorae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- vii) thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb) với lượng từ 8 đến 16g;
- viii) cam thảo (*Glycyrrhiza uralensis*) với lượng từ 6 đến 10g;
- ix) hoàng bá (*Phellodendron amurense*) với lượng từ 6 đến 15g;
- x) kim ngân hoa (*Flos lonicerae*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xi) xạ can (*Rhizoma belamcandae*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xii) bồ mẫu (*Fritillaria roylei* hook) với lượng từ 10 đến 20g;
- xiii) cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*) với lượng từ 8 đến 16g;
- xiv) chỉ thực (*Fructus aurantii immaturus*) với lượng từ 10 đến 20g;
- xv) khoản đông hoa (*Tussilago farfara* L) với lượng từ 8 đến 16g;
- xvi) xạ đen (*Celastrus hindsii*) với lượng từ 10 đến 20g.

2. Quy trình bào chế thuốc đông y chữa bệnh về răng miệng và viêm xoang bao gồm các bước:

a) ngâm hỗn hợp thảo dược theo điểm 1 trong etanol, có nồng độ nằm trong khoảng từ 30 đến 40%, theo tỷ lệ (g/L) của hỗn hợp thảo dược so với etanol nằm trong khoảng từ (88-169g):(1-1,5L), trong thời gian khoảng 15 ngày; và

b) gạn bỏ bã để thu được thuốc đông y ở dạng dung dịch.

3. Thuốc đông y thu được bằng quy trình theo điểm 2.